

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 1: 这个数码照相机质量很好, 只是价钱有点儿贵, 我买不起。

- A. 动词 B. 副词 C. 连词 D. 名词

Câu 2: 出国学习这一年使我感受到独立生活的不易。

- A. 动词 B. 名词 C. 代词 D. 形容词

Câu 3: 《红苹果别墅》这部电视连续剧很不错, 我想接着看下去。

- A. 连词 B. 名词 C. 形容词 D. 副词

Câu 4: 姐姐看着弟弟着急地问: “你的脸色怎么这么苍白呢?”

- A. 形容词 B. 代词 C. 名词 D. 副词

Câu 5: 要是什么都要学就够你学一辈子的。

- A. 动词 B. 代词 C. 名词 D. 量词

Câu 6: 离开老师已经近三十年了, 但他仍然在我的记忆里行走、微笑。

- A. 助词 B. 副词 C. 介词 D. 动词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 7: Phiên âm đúng của từ 报刊 là: bào _____ ān.

- A. k B. p C. h D. g

Câu 8: Phiên âm đúng của từ 中毒 là: _____.

- A. zhōngdǔ B. zhōngdú C. zhòngdǔ D. zhòngdú

Câu 9: Phiên âm đúng của từ 脸颊 là: liǎnj _____.

- A. ié B. ía C. uán D. ián

Câu 10: Phiên âm đúng của từ 教书 là: _____.

- A. jiāoshū B. jiàoshù C. jiàoshū D. jiāoshù

Câu 11: Phiên âm đúng của từ 虔诚 là: _____ iánchéng.

- A. j B. x C. q D. m

Câu 12: Phiên âm đúng của từ 招揽 là: zhāol _____.

- A. ǎn B. iǎn C. ǐn D. ǎng

Câu 13: Phiên âm đúng của từ 规模 là: g _____ mó.

- A. uān B. uī C. iū D. ān

Câu 14: Phiên âm đúng của từ 自卑 là: zì _____ ēi.

- A. d B. n C. b D. p

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 15: 科学家_____这种反常的现象作出了令人信服的解释。

- A. 关于 B. 由于 C. 对于 D. 至于

Câu 16: 我们姐妹俩从小就养成了饭前洗手的_____。

- A. 习俗 B. 习惯 C. 习性 D. 练习

- Câu 17:** 那天我没有仔细看, 所以对他的才艺表演只是有一个_____的印象。
A. 概念 B. 大批 C. 大概 D. 大约
- Câu 18:** 越南人民的胜利多么不容易_____!
A. 呢 B. 啦 C. 吧 D. 啊
- Câu 19:** 我承认荣誉很有价值, _____我从来不曾为追求这些荣誉而工作。
A. 甚至 B. 不过 C. 则 D. 却
- Câu 20:** 飞机_____就要起飞了, 请大家系好安全带。
A. 马上 B. 顿时 C. 赶忙 D. 立刻
- Câu 21:** 你放心, 这种绿色食品_____受顾客欢迎, _____不愁没有市场。
A. 只要……就…… B. 除了……还…… C. 不管……都…… D. 只有……才……
- Câu 22:** 只要打个电话人家就把货送来, 你_____要自己去呢?
A. 未必 B. 一定 C. 不必 D. 何必
- Câu 23:** 到了红绿灯那儿_____右拐, 走不远就是儿童游乐区。
A. 凭 B. 向 C. 给 D. 对
- Câu 24:** 王师傅设计的这套家具_____好看_____实用。
A. 一边……一边…… B. 既……又……
C. 既……就…… D. 边……边……
- Câu 25:** 你怎么在这种场合开他的玩笑, 弄_____人家很尴尬。
A. 地 B. 得 C. 着 D. 的
- Câu 26:** _____对外经济贸易谈判_____, 这位女部长常使对手折服。
A. 在……内 B. 在……下 C. 在……里 D. 在……中
- Câu 27:** 酒后开车很危险, _____只喝了一点儿, 发生车祸的几率_____非常大。
A. 不论……都…… B. 不只……而且……
C. 即使……也…… D. 要是……就……
- Câu 28:** 每天早餐过后, 我会走进书房, 读一读, 写一写, 累_____就泡一杯清茶, 听一首歌。
A. 了 B. 着 C. 过 D. 得
- Câu 29:** 去年, 裁剪小组_____地完成了公司交给的任务, 因此得到领导的表扬。
A. 出名 B. 优秀 C. 出色 D. 有名
- Câu 30:** 快要办出境手续了, 但护照_____找也找不着了, 王兰急得出了一身汗。
A. 那么 B. 怎么 C. 这样 D. 什么
- Câu 31:** 音乐_____属于伟大的音乐家, _____属于茫茫人海中的每一个人。
A. 因为……所以…… B. 不但……反而……
C. 不仅……还…… D. 不论……都……
- Câu 32:** 今天正是个好机会, 我可以向他_____东南亚股票市场的情况。
A. 理解 B. 知道 C. 明白 D. 了解
- Câu 33:** 自从开了自己的网店后, 我的生活跟以前完全不同了, 有时间就待在网上, _____逛街的兴趣都没了。
A. 因为 B. 不但 C. 甚至 D. 即使
- Câu 34:** _____今年春季雨量充足, _____夏粮获得了大丰收。
A. 与其……不如…… B. 一旦……就……
C. 因为……所以…… D. 固然……但是……
- Câu 35:** _____知道那些都不是正当理由, 那你当时为什么还同意他请假呢?
A. 既然 B. 要是 C. 虽然 D. 即使

Câu 36: 各所学校_____都提出为学生的德、智、体全面发展的计划, _____到目前为止未能彻底地实现。

- A. 既然……就……
B. 哪怕……也……
C. 虽然……但是……
D. 由于……因此……

Câu 37: 花园_____的花卉不能摘, 你又不是不知道!

- A. 中
B. 里
C. 下
D. 上

Câu 38: _____少睡点儿觉, _____把这篇文章写完。

- A. 无论……也……
B. 尽管……但是……
C. 除非……要不……
D. 宁可……也要……

Câu 39: 这么多事, 老张一个人怎么做得_____呢。

- A. 下来
B. 下去
C. 起来
D. 过来

Câu 40: 导游给我们介绍的这_____独柱寺是河内有名的景点之一。

- A. 条
B. 根
C. 块
D. 座

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 41: 这样雄伟的_____, 竟然只用了半年的时间就完成了。

- A. 建筑
B. 健巩
C. 健筑
D. 建巩

Câu 42: 学生们要为祖国工业化、现代化的事业做出应有的_____。

- A. 喷献
B. 页献
C. 贡献
D. 贡楠

Câu 43: 时代不同了, 再按照老_____来做事就可能行不通了。

- A. 规臣
B. 规矩
C. 规炬
D. 规距

Câu 44: 父母的_____说不完, 道不尽, 我们每个人要铭刻在心。

- A. 恩晴
B. 恩情
C. 恩情
D. 恩情

Câu 45: 她是我们学校品学_____的学生。

- A. 兼优
B. 谦优
C. 兼尤
D. 谦尤

Đọc kỹ đoạn văn dưới đây và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D), từ câu 46 đến câu 50.

一般家庭都在早上起床后开窗换气, 认为此时空气新鲜。其实, 空气新鲜不新鲜, 取决于污染的轻重, 取决于污染源的多少。

当地面温度高于高空温度时, 地面的空气上升, 污染物容易被带到高空扩散; 当地面温度低于高空温度时, 天空中就容易形成“逆温层”, 它像一个大盖子一样盖在地面上空, 使地面空气中各种污染物难以扩散。一般在夜间、早晨和傍晚地面温度低于高空温度时, 容易出现逆温层, 所以, 此时空气最不干净。白天太阳出来后, 地面温度迅速上升, 逆温层就会逐渐消散, 于是污染物也就很快扩散了。

据科学家们检测, 在一天二十四小时中, 上午、中午和下午空气污染很轻, 其中上午十时至下午三四点空气最为新鲜, 所以此时换气最佳; 早上、傍晚和晚上空气污染较为严重, 其中尤以早上七点左右为污染高峰时间, 空气最不新鲜。

(据1997年4月3日《羊城晚报》, 有删改)

Câu 46: 为什么一般家庭在早上起床后开窗换气?

- A. 认为早上空气新鲜
B. 起床后顺手开窗
C. 早上天气凉快
D. 认为早上的阳光对身体有好处

Câu 47: 什么时候开窗换气比较好?

- A. 下午和傍晚
B. 上午和下午
C. 晚上和夜间
D. 早上和上午

Câu 48: 什么时候空气比较新鲜?

- A. 地面温度和高空温度一样时
B. 早上太阳刚出来时
C. 地面温度低于高空温度时
D. 高空温度低于地面温度时

Câu 49: “逆温层”的主要作用是:

- A. 使污染物不易扩散
- B. 像盖子一样盖在地面上空
- C. 使污染物容易扩散
- D. 使地面温度低于高空温度

Câu 50: 本文没有提到的内容是:

- A. 开窗换气的最佳时间
- B. 一般家庭开窗换气的习惯
- C. 形成逆温层的原因
- D. 污染物的来源

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 51 đến câu 60.

(51)_____, 买东西总要上街去买, 现在, 呆在家里也能买到东西。网上购物已经成为一种新的购物方式。网上购物 (52)_____通过因特网来购物。在网上怎么样购物呢? 比如, 一家名 (53)_____“啥都有”的网上商店, 它的主页上列着商品种类的名称, 如化妆品、鞋帽、计算机、家用电器、服装等等。(54)_____你用鼠标点一下化妆品, 会展示一个关于化妆品的主页, 在这个主页上会有各种各样的品牌, 当你找到自己感兴趣的化妆品时, 用鼠标点一下, (55)_____出现一个网页, 上面详细介绍了该产品的特点、价格等有关问题。(56)_____, 网页上会有一个表格, 列有姓名、地址、购买数量、总金额、付钱方式等, 供你决定购买时填写。填了这个表格 (57)_____完成了购物, 商店会把东西送到你的家里。网上购物有几个优点: 首先, 你可以对感兴趣的商店做详细的了解。(58)_____, 你可以到各个网上商店了解各个品牌的情况, 十分方便。还有, 你不会 (59)_____上街购物那么累。对一部分消费者来说非常 (60)_____的一点是价格便宜。你自己可以试一试。

(摘自 百度网——百科知识, 有删改)

- Câu 51:** A. 将来 B. 目前 C. 以往 D. 往来
- Câu 52:** A. 就是 B. 还是 C. 不是 D. 而是
- Câu 53:** A. 起 B. 当 C. 成 D. 为
- Câu 54:** A. 既然 B. 不管 C. 如果 D. 哪怕
- Câu 55:** A. 却 B. 又 C. 也 D. 再
- Câu 56:** A. 相同 B. 因而 C. 同时 D. 因此
- Câu 57:** A. 还 B. 为了 C. 将 D. 就
- Câu 58:** A. 其次 B. 然后 C. 次要 D. 最后
- Câu 59:** A. 如 B. 像 C. 比 D. 具有
- Câu 60:** A. 重要 B. 重大 C. 主要 D. 主张

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 61: 小阮是个很爱面子的人, 这次考试的成绩不太好, 你千万别告诉别人。

- A. 希望自己成功
- B. 希望得到表扬
- C. 把成功的经验告诉别人
- D. 让别人看到好的方面

Câu 62: 我觉得营养过量和运动过少是造成很多人肥胖的原因。

- A. 不好
- B. 太多
- C. 太少
- D. 缺乏

Câu 63: 中午他们都不回家吃饭, 我倒省心了。

- A. 不用担心
- B. 不用做饭
- C. 省钱了
- D. 很高兴

Câu 64: 这栋楼的居住条件这样差, 相信很难会有理想的生活环境。

- A. 满意
- B. 高效
- C. 合理
- D. 舒服

Câu 65: 嗨, 小张都长大了, 有的事你就睁一只眼, 闭一只眼吧。

- A. 假装近视眼
- B. 只关心一半
- C. 不用多管
- D. 闭上眼睛

Câu 66: 在妻子的要求下, 丈夫除了让步就**别无选择**了。

- A. 不会选择让步 B. 从不选择 C. 不忍心选择 D. 没别的选择

Câu 67: 你别替他**说情**, 这样的人再不教育就晚了。

- A. 说坏话 B. 介绍朋友 C. 介绍情况 D. 说好话

Câu 68: 骗人是要**付出代价**的, 这你一开始就应该想到的。

- A. 价钱很高 B. 受惩罚 C. 挣不到钱 D. 被批评

Câu 69: 这样复杂的操作过程连大人都很难完成, 更**何况**是十一二岁的孩子!

- A. 别说 B. 而且 C. 何必 D. 不但

Câu 70: 嫂子的性格很开朗, 都四十岁了, 但还那么年轻, 真是**“笑一笑, 十年少”**。

- A. 性格好的人很年轻 B. 乐观能使人显得年轻
C. 乐观的人不会变老 D. 爱笑的人能年轻十岁

Câu 71: 你放心吧, 这个问题对我是**小菜一碟**, 准办好。

- A. 会做菜 B. 很方便 C. 愿意 D. 很容易

Câu 72: 昨天我们在联欢会上唱歌唱得很**过瘾**。

- A. 痛快 B. 很晚 C. 热闹 D. 好听

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 73: A 对于 B 社会上的 C 现象 D 要坚决抵制。(不良)

Câu 74: 这些模型都是 A 与实物一比二的 B 比例 C 缩小后 D 制成的。(按照)

Câu 75: A 站在那群 B 里边的 C 是大家喜欢的 D 影星。(最)

Câu 76: 很多 A 领导人都 B 曾经在 C 工作 D 过很长时间。(最普通的岗位上)

Câu 77: 应该 A 把 B 控制人口数量和 C 提高人口素质 D 为我国第一项基本国策。(确定)

Câu 78: 一位伟人说过: “不热烈 A 勇敢 B 追求 C 成功而能取得 D 成功, 世上绝无这样的人。”(地)

Câu 79: 你们怎么现在才回来 A? 大家已经在这儿 B 等了 C 你们 D 了。(半天)

Câu 80: 我按他 A 的地址 B 找到了 C 他的家 D。(留下来)

----- HẾT -----